

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 2. VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA

Thời gian thực hiện: 11 tiết

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản.
- Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.
- Biết giới thiệu về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân).

2Phẩm chất

- Có tình yêu thơ ca, yêu cái đẹp
- Có ý thức tự giác trong các hoạt động của lớp học
- Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác.

A. ĐỌC

Tiết 12. Đọc hiểu văn bản1

CHÙM THƠ HAI-CƯ NHẬT BẢN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

- Nhận diện được hình thức thơ hai-cư.
- Nhận diện và phân tích được các giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ hai-cư: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.

- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo thể hiện qua các văn bản.

- Nhận biết được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi những rung động thẩm mỹ, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ hai-cư.

2Phẩm chất: Có tình yêu đối với thơ ca.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Ngữ văn 10 kết nối tri thức với cuộc sống.
- Phiếu học tập.
- Bút màu, giấy A4, A0.
- Máy chiếu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Hs biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho Hs đi vào tìm hiểu bài mới.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Hs tìm những câu ca dao, bài thơ ngắn đã học
- + Trình chiếu một số bức tranh thủy mặc.
- + Hs nhận xét về sức gợi của những bài thơ và bức tranh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số Hs trả lời, Hs khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của Hs, trên cơ sở đó dẫn dắt Hs vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Trong thơ, một trong những yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp của thơ ca là sự hàm súc, đa nghĩa và giàu sức gợi của hình ảnh và ngôn ngữ thơ.

– Thơ hai-cư của Nhật Bản là một hình thức thơ ca cô đọng bậc nhất thế giới nhưng lại có sức sống, sức hấp dẫn lâu bền, thường được ví như tranh thủy mặc của TQ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1.1. Hướng dẫn học viên tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a) **Mục tiêu:**

– Nhận biết về đặc điểm của thể thơ hai-cư

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và Hs	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia Hs thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Dựa vào phần giới thiệu, hãy nêu những đặc điểm nổi bật của thơ hai-cư? Nhóm 2: Nêu tóm tắt về các nhà thơ hai-cư tiêu biểu Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân và nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Hs trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	1. Tìm hiểu chung về thơ hai-cư 1.1. Thơ hai-cư – Hình thức cô đọng nhất của thơ ca thể giới Thường biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng. Bài thơ được cấu tứ quanh một phát hiện mang tính chất “bùng nổ” về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người; thơ thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải. 1.2. Một số tác giả tiêu biểu – Mát-chư-ô Ba-sô (Matsuo Basho, 1644 – 1694) là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai-cư, đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản. – Chi-ô (1703 – 1775) là người đánh dấu sự hiện diện của các tác giả nữ trong truyền thống thơ hai-cư. Trước bà, thơ hai-cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích. – Cô-ba-y-a-si Ít-sa (Kobayashi Issa, 1763 – 1828) là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ hai-cư do chính ông sáng tác.

2.2. Tìm hiểu văn bản

a) Mục tiêu: Hs cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật các bài thơ hai-cư tiêu biểu

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và Hs	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia Hs thành 6 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1, 2: Tìm hiểu Bài 1: Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô với các yếu tố thời gian và không gian. Khoảnh khắc được thể hiện trong bài thơ của Ba-sô có thể khơi gợi những cảm xúc gì ở người đọc? Nhóm 3, 4: Tìm hiểu Bài 2: Bài thơ của Chi-ô được triển khai xoay quanh phát hiện nào? Theo bạn, vì sao phát hiện này lại dẫn dắt nhân vật trữ tình sang “xin nước nhà bên”? Từ bài thơ của Chi-ô, hãy bình luận về ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên mà bài thơ gợi ra. Nhóm 5, 6: Tìm hiểu Bài 3: Từ những đặc điểm thường được liên hệ khi hình dung về “con ốc” và “núi Phu-gi”, hãy nhận xét về tương quan giữa	2. Đọc hiểu văn bản Bài 1 (Ba-sô) <i>Trên cành khô</i> <i>cánh quạ đậu</i> <i>chiều thu</i> Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô là con quạ. Bài thơ thu tóm một khoảng lặng của thế giới: một cánh quạ lặng lẽ trên một cành cây trụi lá trong khi chiều thu dần dần buông. Chỉ bằng vài ba nét chấm phá, bài thơ gợi ra một khung cảnh đơn sơ, tĩnh lặng, mọi thứ như đang trầm lắng lại. Ba-sô không diễn giải gì, dường như ông còn không áp đặt lên cảnh vật cảm xúc hay suy nghĩ của ông: ông chỉ làm hiện lên sự tương phản giữa “thân hình đen muội nhỏ bé của con quạ” với “bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm” (H.G. Henderson, <i>Hài cú nhập môn</i>). Trạng thái của con quạ cũng là trạng thái tự tại, không đuổi bắt cái gì cả, không vọng động bởi bất cứ cái gì bên ngoài. Bằng sự im lặng ấy, con quạ như đang chiêm ngắm sự u huyền (<i>yugen</i>) của vũ trụ. Bài thơ hai-cư của Ba-sô gợi sự tỉnh thức về ý nghĩa của những khoảng lặng trong đời sống. Những khoảng lặng là cần thiết để ta nhận ra chiều sâu, sự bí ẩn của thế giới ta đang sống.

hai hình ảnh này. Bạn cảm nhận như thế nào về hành trình “chậm rì” của con ốc trong bài thơ của Ít-sa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động nhóm Hoàn thành nhiệm vụ trên Phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Hs trả lời câu hỏi. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	2.2. Bài 2 (Chi-ô) <i>Ôi hoa triêu nhan</i> <i>Dây gàu vương hoa bên giếng</i> <i>đành xin nước nhà bên.</i> – Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Chi-ô (Chiyo) là dây hoa triêu nhan vương vào sợi dây gàu. Nếu hoa triêu nhan trong tư duy thẩm mỹ của người Nhật Bản là biểu tượng cho cái đẹp của thiên nhiên, ban sơ, thuần khiết, mong manh thì sợi dây gàu lại chỉ là một sự vật đời thường, xù xì, thô ráp, vốn chỉ mang chức năng thực dụng: (để người ta) múc nước. – Nhưng trong khoảnh khắc của buổi ban mai, con người nhận ra hoa với sợi dây gàu quấn quýt với nhau trong tương quan bạn bè. Sự quấn quýt này khiến dây gàu trở thành điểm tựa cho hoa và sự góp mặt của hoa đã làm mờ đi sự xù xì, thô ráp của sợi dây. Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới không chia cắt với nhau như cách chúng ta vẫn hằng nghĩ. – Con người khi phát hiện tương quan đẹp đẽ đó giữa các sự vật thì cũng có cách ứng xử rất nhân văn: để hoa tiếp tục vương vít bên sợi dây gàu, mình sang xin nước nhà bên. Đó cũng là cách để người với người kết nối, làm bạn với nhau. Bài thơ gợi ra một cách ứng xử đầy nâng niu, trân trọng đối với tạo vật trong đời sống. 2.3. Bài 3 (Ít-sa) <i>Chậm rì, chậm rì</i> <i>kìa con ốc nhỏ</i> <i>trèo núi Phu-gi (Fuji).</i> – Bài thơ của Ít-sa (Issa) xoay quanh hình
---	---

tượng của một con ốc nhỏ bé. Có thể nhìn thấy nhiều sự tương phản trong bài thơ rất đối đơn sơ này: con ốc thì nhỏ, ngọn núi thì lớn; con ốc thì chậm rì, hành trình nó theo đuôi thì dài; con ốc thì chỉ là một sinh vật nhỏ bé, bình thường, ngọn núi lại là một biểu tượng kì vĩ.

– Nhưng cái chậm rì của con ốc trong bài thơ của Ít-sa chính là sự phản ánh cảm thức thanh thoát (*karumi*): con ốc ung dung, tự tại trong hành trình của mình. Hành trình nó theo đuôi có thể không đạt đến được nhưng bản thân việc theo đuôi hành trình ấy làm nó có sự tự do trong tinh thần. Cái tự do tinh thần ấy cũng là thứ quý giá nhất mà đời người cần phải hướng tới.

2. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Hs viết đoạn văn trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ hai–cư.

b) **Tổ chức hoạt động dạy học:**

Hoạt động của GV và Hs	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu Hs thực hiện nhiệm vụ luyện tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Hs trình bày kết quả GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	3. Viết đoạn văn: Ghi lại những ấn tượng, cảm xúc của mình về một bài thơ hai–cư cụ thể hoặc về thể thơ hai–cư nói chung. – Cảm nhận được vì sao hình thức thơ tối giản này lại có sức hấp dẫn lớn. Thích thú với những hình thức cô đọng, dồn nén, nhiều sức gợi của thơ ca.

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	
---	--

Tiết 13, 14.VB 4

THU

HỨNG (CẢM XÚC MÙA THU)

ĐỖ PHỦ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

❖ **HS ghi nhớ** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối)

❖ **HS tìm hiểu và ghi nhớ** một số nét chính về tác giả và tác phẩm

❖ **HS mô tả** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ Thu hứng

HS phân tích và cảm nhận được

○ + Hình ảnh và từ ngữ gợi không khí mùa thu trong 4 câu đầu bài thơ

○ + Nhân vật trữ tình được thể hiện qua câu số 5 và 6 của bài thơ

○ + Khung cảnh sinh hoạt của con người ở hai câu kết bài thơ

2. Về năng lực

❖ **HS vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại

❖ **HS vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

3. Về phẩm chất: HS thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: GV đặt vấn đề: Hãy nêu ít nhất 01 cảm nhất hoặc ấn tượng của con về mùa thu? Đối với những bạn chưa từng có kỉ niệm trải qua mùa thu, vậy mùa thu trong con được hình dung và cảm nhận như thế nào? HS suy nghĩ và trình bày các trải nghiệm của cá nhân	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	GV dẫn dắt vào bài học
Giáo viên đặt câu hỏi	Nhà thơ Đỗ Phủ với những cảm hứng về mùa thu, mùa thu của Đỗ Phủ không chỉ đẹp mà còn gợi buồn.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	
HS theo dõi và trả lời câu hỏi	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	
Học sinh chia sẻ	
Bước 4. Kết luận,	

nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.		Đường luật và chỉ ra những đặc điểm đó trong bài Thu	thiên nhiên, thích xa lánh việc đời, tư tưởng Lão Trang Hướng về Phật giáo, xa lánh đời nhưng vẫn còn gần nhân thế
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI			
a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh ghi nhớ một số đặc điểm cơ bản của thể Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) Học sinh tìm hiểu và ghi nhớ một số nét đặc trưng và tác phẩm Học sinh mô tả một số đặc điểm cơ bản của thể Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) và thể hiện trong bài thơ Thu hứng Học sinh đối chiếu được hai bản dịch thơ với nguyên văn (thông qua bản dịch nghĩa) và chỉ ra chỗ chưa diễn đạt được sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn		Nhiệm vụ 2. HS làm bài của thể Đường luật, phân tích và hoàn thành phiếu nguyên văn Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS của thể Đường luật, phân tích và hoàn thành phiếu nguyên văn Thời gian: 10 phút Chia sẻ 3 phút Phản biện và trao đổi 2 phút về thơ Bước 3. Bảo bảo, thảo luận	+ Cấu trúc bố cục Đề - Thực – Luận – Kết: Bố cục giao nhiệm vụ cho mỗi phần Khai – Thừa – Chuyển – Hợp: Chỉ ra mối quan hệ liên tục giữa bốn phần + Luật Là cách sắp đặt tiếng bằng tiếng trắc trong các câu của một bài thơ Luật được bắt đầu bằng âm thanh của chữ thứ hai của câu thứ nhất. Nếu chữ thứ hai là thanh bằng thì gọi bài thơ luật bằng. Chữ thứ hai là thanh trắc thì gọi là bài thơ luật trắc. + Niêm Là sự liên lạc về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ Đường luật. Hai câu thơ niêm với nhau khi nào chữ thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc là cùng bằng hoặc cùng trắc, bằng niêm bằng, trắc niêm trắc
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về thể thơ và những nét chính về tác giả, tác phẩm Nhiệm vụ 1. HS tìm hiểu về thơ	I.Đặc trưng thơ Đường luật - Khái niệm thơ Đường luật Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể, là thể thơ cả luật ngũ ngôn, hoặc thất ngôn được đặt Đường ở Trung Quốc. (từ điển thuật ngữ Văn học) - Một số đặc trưng cơ bản + Cảm hứng chủ đạo Thơ u hoài về thế sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho. Hướng về tư tưởng Đạo giáo yêu	Bước 4. Kết luận, nhận định Quốc. (từ điển những kiến thức cơ bản	+ Đối Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý với chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau (Đối tương phản hoặc tương hỗ) Đối ý là tìm hai câu có ý tưởng cân nhau mà đặt thành hai câu song nhau Đối chữ thì vừa phải đối thanh tức là

	B – T, T - B, vừa phải đối loại của chữ nghĩa, hai chữ tương tự loại (cùng danh, cùng động,...) + Vần – Vận Vần (Chữ Nho là vận) là những tiếng thanh âm hòa hiệp đặt vào hai hoặc nhiều câu văn để hưởng ứng nhau. Thơ Đường luật chỉ gieo một vần là vần bằng (bình), hiếm khi gieo vần trắc. Gieo vần vào chữ cuối của câu 1, 2, 4, 6 và 8. (ngoại lệ: riêng chữ cuối của câu 1 ngũ ngôn bát cú có thể không cần gieo vần cũng được). II. Những nét chính về tác giả, tác phẩm a. Tác giả - Đỗ Phủ, tự là Tử Mỹ, sau còn gọi là Thiếu Lăng, quê tỉnh Hà Nam, ông nội là một nhà thơ có tiếng thời Sơ Đường (Đỗ Thảm Ngôn). Bố ông từng giữ chức Tư Mã. Hồ Chủ tịch đã từng gọi ông là “một người làm thơ nổi tiếng đời nhà Đường” (Di chúc) - Phần lớn là những bài thơ trực tiếp lên án giai cấp thống trị và phản ánh sâu sắc đời sống khổ cực của nhân dân, đặc biệt là những họa của chiến tranh, cuộc sống bất công giữa hai giai cấp đối lập - Nghệ thuật thơ Đỗ Phủ là một đỉnh cao của phương pháp hiện thực. Tác giả	yêu nước yêu dân và tinh thần phản kháng ngùn ngụt trong thơ. Ông được gọi là “thánh thơ” (bậc thánh trong thơ), là “thi sử” (viết sử bằng thơ). Ngay đời nhà Đường, thơ ông đã được coi là tấm gương sáng, là một ngọn cờ và còn ảnh hưởng mãi đến mai sau. Nguyễn Du sùng bái Đỗ Phủ là “thiên cổ văn chương, thiên cổ sư”. b. Tác phẩm - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết trong thời gian Đỗ Phủ cùng gia đình đi chạy nạn ở Quý Châu (Nay thuộc Tứ Xuyên) (766). Là bài thứ nhất nằm trong chùm thơ Thu hứng (8 bài). - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. - Bố cục: 2 phần + 4 câu đầu (tiền giải): tả cảnh mùa thu ở Quý Châu + 4 câu sau (hậu giải): khung cảnh sinh hoạt của người dân và nỗi lòng của nhà thơ II. Đọc hiểu văn bản 1. Không khí mùa thu trong 4 câu thơ đầu - Hình ảnh: + <i>Ngọc lộ:</i> Sương long lanh như ngọc + <i>Đieu thương:</i> Héo tàn, tiêu điều,
--	---	--

[illegible]

	thơ trong 2 câu thơ 5 và 6 <i>Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ</i> <i>Cô chu nhất hệ cố viên tâm</i> <i>(Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ</i> <i>Con thuyền buộc chặt mối tình nhà)</i> - Tùng cúc – Hoa cúc; Lưỡng khai – hai lần nở; Tha nhật lệ - nước mắt ngày khác: Đỗ Phủ từ Thành Đô chạy loạn đến Vân An, bị bệnh nên ở lại Vân An đến mùa xuân năm sau. Nhìn khóm cúc nở hoa, cảm nhận thời gian trôi nhanh, thấm thía nỗi cay đắng của quãng đời nay đây mai đó. Hoa – cũng có thể là cuộc sống tươi đẹp trong quá khứ. - Cô chu – con thuyền cô độc; nhất hệ - buộc chặt; cố viên tâm – trái tim vườn xưa: Cuộc đời trôi nổi lưu lạc, chỉ có con thuyền là phương tiện duy nhất để tác giả gửi niềm thương, nỗi nhớ về quê nhà - “Cúc” là hoa thu; “Con thuyền” là hình ảnh thường xuất hiện trong thơ Đỗ Phủ cuối đời (Mùa thu của cuộc đời), nó “chở” tâm tình mong được về quê của nhà thơ. Hai nhãn tự trong bài là “khai” (nở) và “hệ” (buộc): khai tha nhật lệ: mở ra ... nước mắt, hệ cố viên tâm: buộc vào...trái tim. Cũng cần lưu ý thêm phó từ: lưỡng – nhất, lưỡng phiên chỉ số nhiều, nở ra rồi lại nở, nở ra nước mắt. Lệ của hoa	hay lệ của con người đang khóc vì nỗi đau đớn nhớ nhà. Nhất là một mà cũng là hàm ý duy nhất, mãi mãi, chỉ một. + Phép đối: lưỡng (khai) của cúc và nhất (hệ) của tâm và chữ “hệ” (buộc chặt) càng khẳng định tình cảm sâu nặng đối với quê hương không bao giờ thay đổi Cố viên tâm: Vườn cũ ở Lạc Dương ➔ Nỗi nhớ quê Tràng An (kinh đô nhà Đường) ➔ Lòng yêu nước thầm kín - Cả câu là ẩn dụ: Ta cũng như con thuyền lẻ loi, cô độc một mình nơi đất khách chưa được về chốn cũ, vườn xưa. Việc đồng nhất giữa cảnh và người nhằm nói lên nỗi niềm đau đáu của kẻ tha hương, nặng tình nặng nghĩa với quê nhà 3. Cảnh sinh hoạt của con người trong 2 câu thơ 7 và 8 <i>Hàn y xú xú thôi đao xích</i> <i>Bạch Đế thành cao cấp mộ châm</i> <i>(Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước</i> <i>Thành Bạch, chày vang bóng ác tà)</i> - Sáu câu thơ đầu không có một âm thanh nào, bỗng rộn lên tiếng thước đo vải, tiếng dao cắt vải, tiếng chày đập vải may áo rét. Đây cũng là âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa – may áo chống rét cho
--	--	--

	người đang chinh chiến trong chiến tranh, xa xôi. Loạn Lôi là loạn Sơn đã kéo dài nhưng cuộc sống chưa được yên bình, bao người và Trời đã tối, chỉ còn tiếng dao kéo cắt nhớ người thân... Bước 3. Bài cáo, phần bài làm của - Hai câu kết chọn nhìn từ ngoại cảnh + Ngoại cảnh: Hàn (mọi nơi) thổi đao dễ may áo). Bạch (Bạch Đê) cao cấp giặt quần áo, tiếng + Tâm cảnh: Hai câu luận: Cô đơn lẻ bóng. Hai câu kết: Vui tươi, ấm áp, hàn là lạnh nhưng lại cảm nhận thấy sự sum vầy, ấm áp. Tuôn rơi nước mắt, ước vọng được trở về quê, nhớ quê da diết	Chức năng nghệ thuật của bài thơ là thể hiện nỗi lòng của tác giả về chiến tranh, nỗi nhớ quê hương, nỗi mong được trở về quê hương. Bài thơ có hai thể thơ: thơ Đường luật và thơ Hai-cư. Hai thể thơ này có những đặc điểm riêng biệt. Bài thơ có hai thể thơ: thơ Đường luật và thơ Hai-cư. Hai thể thơ này có những đặc điểm riêng biệt.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về yếu tố làm nên sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ Hai - cư b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Bài làm mẫu Thơ hai-cư là thể thơ ngắn nhất thể giới và cũng là thể thơ truyền thống có vị trí quan trọng trong văn chương Nhật Bản. Thơ Đường luật là thể thơ xuất phát từ Trung Quốc, thường có	hai thể tiêu biểu là thơ thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú. Thơ hai-cư và thơ Đường luật đều là những thể thơ ngắn gọn và thường viết về những cảm xúc của con người trước hình ảnh thiên nhiên. Thơ hai-cư với những dòng thơ ngắn gọn chỉ từ ba đến bảy chữ tả cảnh thiên nhiên trong sáng, nhẹ nhàng và từ cảnh thiên nhiên gợi lên những rung động, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Nhà thơ Ba-sô, một thi sĩ nổi tiếng của văn học Nhật Bản đã viết ra bài thơ hai-cư miêu tả hình ảnh cành cây khô hay con quạ đen vào mùa thu. Hình ảnh tuy giản dị nhưng lại mang theo mỗi niềm tâm trạng của nhà thơ trước cảnh đẹp thiên nhiên. Còn thơ Đường luật cũng là thể thơ ngắn gọn với mỗi câu chỉ bảy chữ như bài thơ Thu hứng (Cảm xúc mùa thu) của Đỗ Phủ tả cảnh mà chan chứa nỗi niềm tâm sự. Từ cảnh thiên nhiên núi non, bầu trời mùa thu cùng với cảnh sinh hoạt làng quê chuẩn bị đón đông đến, người đọc cũng cảm nhận được nỗi niềm tâm sự, nỗi mong nhớ được về thăm quê của tác giả. Hai thể thơ tuy đến từ hai đất nước khác nhau những điểm tương đồng của chúng đều là tả cảnh thiên nhiên để gợi nên nỗi niềm.

Tiết 15,16

MÙA XUÂN CHÍN – Hàn Mặc Tử

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

Nhận diện và phân tích được giá trị thẩm mỹ của yếu tố nghệ thuật ngôn từ trong thơ bao gồm: nhịp điệu, nhạc điệu, các cách kết hợp từ ngữ độc đáo.

Hình thành được khái niệm về thơ hiện đại trong sự phân biệt với thơ ca cổ điển đã giới thiệu trước đó.

Biết liên hệ, so sánh các tác phẩm văn học thuộc các truyền thống, các thời kì văn hoá khác nhau.

2.Phẩm chất: Hình thành được khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con ngư

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Phiếu học tập

- Bút màu, giấy A4, A0

- Máy chiếu

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Đọc những câu thơ về mùa xuân

+ Nhận xét về những câu thơ viết về mùa xuân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

– Các bài thơ về mùa xuân đã thể hiện vẻ đẹp của mùa xuân và những rung động tinh tế của nhà thơ.

– Với Mùa xuân chín, chúng ta sẽ hiểu thêm về đặc trưng tổ chức ngôn từ của thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hướng dẫn học viên tìm hiểu chung về tác giả Hàn Mặc Tử và phong trào thơ Mới

a) Mục tiêu:

– Hiểu về cuộc đời và những sáng tác tiêu biểu của Hàn Mặc Tử

– Hiểu một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của thơ Mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:	1. Hàn Mặc tử và phong trào thơ Mới 1.1. Hàn Mặc Tử – Hàn Mặc Tử (1912 – 1940) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở

Nhóm 1: Tìm hiểu về tác giả Hàn Mặc Tử Nhóm 2: Tìm hiểu về phong trào thơ Mới. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	huyện Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Năm 18 tuổi, ông theo gia đình vào sống tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hàn Mặc Tử qua đời trong lúc trị bệnh phong tại nhà thương Quy Hoà. Hàn Mặc Tử sáng tác với nhiều bút danh như Lê Thanh, Phong Trần, Minh Duệ Thị,... Ông là một đại diện độc đáo của phong trào Thơ mới, là nhân vật trụ cột của Trường thơ Loạn Bình Định – một nhóm thi sĩ cùng chia sẻ nhiều quan điểm thẩm mỹ táo bạo, bao gồm Chế Lan Viên, Quách Tấn, Yên Lan, Bích Khê, Hoàng Diệp,... Thơ Hàn Mặc Tử bộc lộ một thế giới nội tâm mãnh liệt với những cung bậc cảm xúc được đẩy đến tột cùng. Ngôn ngữ thơ của ông giàu cảm giác mạnh với nhiều hình ảnh độc đáo, thể hiện trí tưởng tượng phóng khoáng, thậm chí dị kì. Một số tập thơ tiêu biểu của Hàn Mặc Tử: Gái quê (1936), Thơ Hàn Mặc Tử (1942), Chơi giữa mùa trăng (thơ không vần, 1944),... 1.2. Về phong trào thơ Mới: – Về mặt nội dung, Thơ mới bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo. – Về mặt hình thức, Thơ mới là sự đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại Việt Nam. Bài thơ được tổ chức theo
---	---

	dòng chảy tự nhiên của cảm xúc thay vì theo mô hình luật thơ đã định sẵn từ trước. Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn. Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới.
--	---

2.2. Hướng dẫn Hs đọc hiểu văn bản

a) **Mục tiêu:** Hs cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ *Mùa xuân chín*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 8 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về nhan đề <i>Mùa xuân chín</i>; trạng thái “chín” của mùa xuân được thể hiện như thế nào trong bài thơ. Nhóm 3, 4: Cảm nhận về hình ảnh thiên nhiên và con người thể hiện ở trong bài thơ Nhóm 5, 6: Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ. Nhóm 7, 8: Cảm nhận về nhân vật trữ tình trong bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động nhóm Hoàn thành nhiệm vụ trên Phiếu	2. Đọc hiểu văn bản Nhan đề “Mùa xuân chín” và những cảm nhận về sắc thái “chín” của mùa xuân: – Nhan đề <i>Mùa xuân chín</i> được cấu tạo bởi từ “mùa xuân” (danh từ) và “chín” (động từ trạng thái). Từ “chín” ở đây làm ta liên tưởng đến trạng thái lí tưởng của mọi sự vật, hiện tượng trong khung cảnh mùa xuân: sắc xuân rực rỡ, sức xuân dồi dào, con người và cảnh vật đều tràn đầy sức sống, đều giao hoà mãnh liệt với nhau. Mặt khác, nó cũng có thể gợi ra suy nghĩ: trạng thái lí tưởng này không phải là vĩnh cửu, khi mọi sự vật đạt đến độ đẹp nhất cũng có nghĩa là nó giáp ranh với sự phôi pha, phai nhạt. Trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ được cụ thể hoá bằng hàng loạt từ ngữ chỉ màu sắc, chỉ trạng thái vận động của các

học tập Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	sự vật, hiện tượng rất giàu tính hình tượng và đậm cảm giác, rất khác so với bảng màu trung tính và cách tạo hình thiên về xu hướng tĩnh tại hoá, vĩnh cửu hoá trong thơ trung đại. đằm. <i>Hình ảnh thiên nhiên và con người trong bức tranh mùa xuân</i> Màu sắc trong bức tranh mùa xuân ở đây luôn được sắc thái hoá một cách rất cụ thể: “nắng ửng”, “lắm tấm vàng”, “áo biếc”; các trạng thái vận động bên ngoài và bên trong thế giới tinh thần của con người cũng được khắc hoạ sống động thông qua các động từ: “vắt vẻo”, “hồn hển”, “thầm thì”,... Tất cả gợi lên không khí mùa xuân rạo rực, say <i>Cách sử dụng ngôn ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ</i> Hình ảnh, nhịp và vần tương ứng với sự vận động trong mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, vừa hoà mình vào thiên nhiên, nâng niu, trân trọng vẻ đẹp bình dị mà tràn đầy sức sống của tạo vật, của con người, lại vừa có những khoảnh khắc tách khỏi đối tượng quan sát của mình để ưu tư, trầm ẩn. Giọng điệu của bài thơ, vì thế, khi tha thiết, say sưa, nhưng cũng có khi lắng lại, trầm lại, vừa điềm tĩnh, vừa trầm ẩn. <i>2.4. Nhân vật trữ tình trong bài thơ</i> Nhân vật trữ tình của bài thơ không chỉ là người nhạy cảm với sự sống, giao cảm với cuộc đời mà còn là một chủ thể biết suy tư, biết lo âu. Ngay khi mọi thứ đang ở độ viên mãn, lí tưởng như vậy, nhân vật trữ tình gợn lên nỗi u hoài về một viễn cảnh phai tàn
--	--

của đời sống sau khi đạt đến trạng thái “chín” của những cô thôn nữ, nhân vật trữ tình đã l

năm nào cũng đã từng có một thời con gái tư

của mọi vẻ đẹp ở cuộc đời nhưng không vì t

hoan của đời người chỉ là khoảnh khắc, c

mòn mỏi, dài lâu, nhưng không vì thế khô

biệt, càng không quên cái khôn khó của đ

Ngay khi đang lắng nghe tiếng hát thanh xu
 sức nhớ đến người chị nhọc nhằn, lầm lụi, h
 trẻ. Cảm nhận được cái phù du, thoáng ch
 mà phủ nhận chúng, cảm nhận được cái h
 nhọc nhằn của kiếp người mới là trạng th
 xúc động trước cái vui của nhân gian và đ
 sống.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS viết đoạn văn 10–15 dòng trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở bài thơ.

Hoạt động của GV và HS		Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ luyện tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận b) Tổ chức hoạt động dạy học: HS báo cáo về sản phẩm học tập GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.		3. Viết đoạn văn: – Ghi lại những cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ <i>Mùa xuân chín</i> của Hàn Mặc Tử Gợi ý cho bài trình bày hình ảnh và cảm xúc.

TIẾT 17. VĂN BẢN 6

BẢN HÒA ÂM NGÔN TỪ TRONG “TIẾNG THU”

CỦA LƯU TRỌNG LƯ

(Chu Văn Sơn)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ HS nêu một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu
- ❖ HS cách triển khai bài viết trên hai bình diện “tiếng thu” và “tiếng thơ” được tác giả đề cập
- HS nắm các thao tác lập luận được triển khai trong một bài phân tích thơ của nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn để làm nổi bật giá trị nghệ thuật và giá trị nội dung của tác phẩm
- ❖ 2. Về năng lực: HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ
- 3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu vẻ đẹp của thơ nói riêng và vẻ đẹp thẩm mỹ của cuộc sống nói chung

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- 2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ Chơi trò chơi: TIẾP SỨC ❖ GV đặt câu hỏi: Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và giao nhiệm vụ <i>Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ</i>	HS có thể chia sẻ - Khó khăn: + Khó đoán được những ý nghĩa ẩn sau lớp ngôn từ tương đối ngắn gọn

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời khi đến lượt Bước 3. Báo cáo, thảo luận Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm hiểu về một bài phân tích những điều đặc sắc của một bài thơ và học hỏi cách phân tích một bài thơ.	+ Phát hiện về các âm điệu, ngôn từ + Nhiều từ ngữ mới mẻ, khó đoán nghĩa - Thú vị: + Sự hòa điệu giữa ngôn ngữ và âm nhạc, mỹ thuật (âm thanh, hình ảnh) + Nỗi niềm ẩn dấu sau những câu từ ngắn gọn, đẹp đẽ của tác giả.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ❖ Học V tìm hiểu cách đọc hiểu một bài thơ qua hoạt động MẢNH GHÉP TRI THỨC ❖ Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm hoàn thiện các thẻ nhiệm vụ có đánh số (có yếu tố phân hóa), hoàn thành xong thẻ theo lần lượt số thứ tự ❖ HS thảo luận và làm bài sau đó chia sẻ và rút ra kết luận cách đọc hiểu một bài thơ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm hoàn thiện các thẻ nhiệm vụ có đánh số (có yếu tố phân hóa), hoàn thành xong thẻ theo lần lượt số thứ tự Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận và làm bài sau đó chia sẻ và rút ra kết luận cách đọc hiểu một bài thơ Thời gian (chỉ tính thời gian thảo luận dự kiến): 20 phút Chia sẻ (dự kiến): 15 phút Phản biện và trao đổi chốt kiến thức: 10 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	1. Một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu a. Tác giả: Lưu Trọng Lư - Lưu Trọng Lư là người làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông sinh trưởng trong một gia đình quan lại xuất thân nho học. Thuở nhỏ, ông học trường tỉnh, rồi học ở Huế (đến năm thứ 3 tại Quốc học Huế) và Hà Nội. Sau đó, ông bỏ học đi dạy tư, làm văn và làm báo để kiếm sống. Nhà phê bình – nghiên cứu văn học Chu Văn Sơn - Quê quán: Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa - Giảng viên đại học Sư phạm Hà Nội 1. Bộ môn: Văn học hiện đại và đương đại b. Tác phẩm: Tác phẩm: Tiếng thu Rút trong tập “Tiếng thu” (1939) gồm 52 bài 2. Các bình diện của “tiếng thu” và “tiếng thơ” trong bài thơ của Lưu Trọng Lư Trong văn bản, hai cụm từ “tiếng thu” và “tiếng thơ” được tác giả in hoa với dụng ý nhấn mạnh. Theo phân tích của tác

giả Chu Văn Sơn, “tiếng thu” là những âm thanh mơ hồ, tinh tế của đất trời và của tâm hồn con người; “tiếng thơ” chính là hình thức của bài thơ, là tổ chức ngôn từ để làm sống dậy “tiếng thu”, gây ấn tượng cho người đọc. Hay nói cách khác: “Tiếng thu” – Bình diện cảm xúc, nội dung còn “Tiếng thơ” – Bình diện hình thức, nghệ thuật cấu tạo nên “Tiếng thu”

3. Trình tự của bài viết và ý nghĩa “Tiếng thu” trong thơ Lưu Trọng Lư

- Trình tự của bài viết đi từ “tiếng thơ”, tức đi từ phương diện dễ thu hút sự chú ý của người đọc ngay khi đọc bài thơ – nhạc tính của bài thơ. Tác giả phân tích các thủ pháp kiến tạo nhạc tính của bài thơ để từ đó, cho thấy nhạc tính ở đây chính là một phương diện hình thức mang tính nội dung khi nó là cách hiệu quả nhất để khơi dậy những liên tưởng về “tiếng thu”. Cách tiếp cận bài thơ từ phương diện hình thức, vì thế, có sức thuyết phục bởi giá trị thẩm mỹ của một tác phẩm thơ ca toát lên từ chính hình thức cảm tính của nó.

- Nhà thơ Lưu Trọng Lư gọi tên tác phẩm của mình là Tiếng thu, nhưng trong đó, “tiếng thu” không còn mang tính khách quan nữa mà đã trở thành tiếng lòng của người sáng tạo, được phát ra nhờ sự cộng hưởng giữa con người và trời đất cùng các phương tiện ngôn từ được sử dụng.

4. Tính hợp lí trong cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết

- Cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết là rất hợp lí. Người phê bình cần phải bám sát văn bản được phê bình, thể hiện sự đồng cảm thấu hiểu với nhà thơ, tích cực làm cầu nối giữa văn bản và độc giả, giúp độc giả cảm nhận được nét độc đáo của văn bản

Mở đầu gợi dẫn về “hồn thơ” và “hồn thu”, bàn về cái “động” cái “tĩnh” trong thơ cổ điển và Thơ mới, bàn về âm điệu của bài thơ, cách sử dụng từ ngữ (từ láy, từ tượng thanh), âm hưởng bài thơ và cấu trúc của bài thơ

5. Sự khác biệt trong miêu tả thiên nhiên của thơ cổ điển và Thơ mới.

- Trong khi thơ cổ điển thiên về nắm bắt thế giới trong trạng thái tĩnh, làm nổi bật vẻ đẹp yên tĩnh, thanh vắng của thiên nhiên, qua đó, thể hiện một tâm thế an nhiên, tĩnh tại của thi nhân thời xưa thì Thơ mới làm nổi bật trạng thái “xôn xao” của thế giới. Cái “xôn xao” này, theo Chu Văn Sơn, là kết quả cộng hưởng của cái “xôn xao” của tạo vật, của ngoại cảnh với trạng thái tâm hồn của con người đang rung cảm trước thế giới.

- Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này là thời hiện đại cho phép con người cá nhân được giải phóng, thế giới cảm giác, cảm xúc của con người cũng được cởi trói. Nhà thơ không chỉ miêu tả thế giới mà còn phóng chiếu cảm giác, cảm xúc của mình vào trong bức tranh thế giới ấy. Họ muốn tái hiện thế giới trong trạng thái đang vận động, đang sinh thành chứ không phải một thế giới được ngưng kết lại thành vĩnh cửu.

6. Thao tác lập luận khi phân tích ngôn từ của bài thơ, có tác dụng trong việc làm nổi bật giá trị thẩm mỹ của bài thơ

- Các thao tác được sử dụng thường xuyên là thống kê, so sánh và đối lập (thống kê: số các tiết tấu và các âm bằng, trắc; số các cụm từ làm thành điệp khúc,...; so sánh và đối lập: số dòng trong các khổ, tính chất của các “tiếng” được thể hiện bằng các từ tượng thanh như thồn thức, rạo rực, xào xạc,...). Bằng việc phát huy thao tác so sánh và đối lập này, tác giả chứng minh được hiệu quả thẩm mỹ trong cách Lưu Trọng Lư tổ chức ngôn từ trong bài thơ. Chẳng hạn, khi chứng minh hiệu quả thẩm mỹ của từ láy “xào xạc”, nhà phê bình đã so sánh nó với từ “xao xác” để thấy hai từ láy này như một nốt nhạc nhưng chơi ở hai cung khác nhau, một bên, trầm và đục, gợi ra sự âm u, huyền bí của rừng già còn một bên, đánh và cao, gợi ra tiếng lá quét mình trên đường

	phổ,... - Việc cảm thụ giá trị của bài thơ cần phải bắt đầu từ việc nhận ra và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của ngôn từ thơ, nhưng để nhận ra giá trị thẩm mỹ đó của ngôn từ, không thể chỉ dựa vào những nhận xét đại khái, mang tính chất định tính. Luôn cần một sự khảo sát, thống kê kỹ lưỡng bởi mọi nhận xét đều phải được nêu lên trên nền một dữ kiện xác thực, chắc chắn. Bên cạnh đó, việc so sánh, đối chiếu giá trị biểu đạt của từng từ ngữ khác nhau có ý nghĩa rất quan trọng, vì trong sáng tác thơ, việc lựa chọn từ ngữ luôn có một ý nghĩa đặc biệt. 7. Xác định các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của một bài thơ Sự thống nhất, hài hoà giữa bình diện biểu đạt và bình diện được biểu đạt, giữa tổ chức ngôn từ và cái nhìn thế giới độc đáo. + Hình thức: Âm điệu, ngôn từ, âm hưởng, cấu trúc + Nội dung: Ý nghĩa cao đẹp về cuộc sống, sự sống hay các vẻ đẹp có giá trị thẩm mỹ cao
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài viết kết nối đọc	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các	GV và HS có thể tham khảo bài làm mẫu sau Thơ là sản phẩm của sự sáng tạo nghệ thuật được coi là xuất hiện gần như sớm nhất trong đời sống của loài người. Đã có hàng ngàn định nghĩa nhưng chưa có một định nghĩa nào có thể diễn đạt được một cách toàn diện và sâu sắc về thơ. Do đó người ta hiểu rằng định nghĩa về thơ là rất khó. Chỉ có thể thừa nhận rằng thơ là thể loại tiêu biểu cho sự tinh túy của nghệ thuật ngôn từ. Khi đọc một bài thơ bất kì, ta thường bị hấp dẫn bởi hình thức, nghệ thuật, rồi mới đến nội dung của

chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	bài thơ. Thơ là một sản phẩm của sáng tạo in đậm dấu ấn chủ quan của người làm thơ, do đó, khi đọc thơ cần chú ý những đóng góp riêng của tác giả bài thơ về tứ thơ, cảm hứng, tư tưởng. Nhưng các yếu tố quan trọng này lại được thể hiện qua những rung động, xúc cảm được diễn đạt bằng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ. Cho nên, chỉ có thể bằng cách liên tưởng, đối chiếu, so sánh giữa bài thơ đang đọc với các bài thơ khác của chính tác giả; giữa thơ của tác giả với nhiều nhà thơ cùng thời hoặc trước đó cùng chung đề tài. Thí dụ: Đọc bài Đây mùa thu tới của Xuân Diệu trong sự liên tưởng so sánh với Thu ảm của Nguyễn Khuyến, Cảm thu, Tiễn thu của Tản Đà hoặc so sánh giữa Đây mùa thu tới với Tiếng thu của Lưu Trọng Lư, Tỳ Bà của Bích Khê... Một bài thơ là một thế giới khép kín, muốn hiểu và làm chủ được thế giới ấy cần biết cách đi vào nó vào những thời điểm thích hợp. Đó là khi tâm hồn người đọc có nhu cầu chia sẻ, thưởng thức cái đẹp, hay đơn giản chỉ muốn thấu hiểu con người và cuộc đời.
---------------------------------	---

TIẾT 18. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI DÙNG TỪ, LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

- 1. Về năng lực: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện các lỗi sai và sửa lại cho đúng.
- 2. Về phẩm chất: Yêu Tiếng Việt và ý thức sử dụng từ chuẩn xác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- 2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	

- ❖ GV chiếu các đoạn trên báo chí, văn bản có sử dụng lỗi sai về dùng từ, trật tự từ gây hiểu lầm
- ❖ HS phát hiện và chỉ ra những điều chưa chính xác để gây hiểu lầm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV chiếu và cho HS đọc

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học

Gợi ý các đoạn ngữ liệu có thể sử dụng

Ngữ liệu 1. Trong bài Kiên quyết xử lý nếu trồng cây "nguyên bầu" là sai quy trình (Báo Hànộimới, ngày 16/6/2015), bài báo có tới 5 câu không có dấu chấm câu ở cuối câu, cuối đoạn.

Bài báo Nguyên Phó BTC Quận ủy Cầu Giấy lĩnh án 12 năm tù trên tờ Petrotimes lại có câu “**Người bị truy tố về tội không tố giác tội phạm**”. Thực ra, đây chưa phải là câu hoàn chỉnh theo chuẩn tiếng Việt, vì câu này thiếu vị ngữ; cụm từ “**bị truy tố về tội không tố giác tội phạm**” mới chỉ là định ngữ cho danh từ “người” chứ chưa thể là vị ngữ của câu. Có thể người viết định diễn đạt theo ý đây là thành phần chú thích cho câu trước đó “Trước khi tuyên án, Hội đồng xét xử tập trung làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Văn (Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại tổng hợp và kinh doanh bất động sản)”, nhưng khi viết, đáng lẽ ra phải dùng dấu phẩy thì lại dùng dấu chấm để tách câu dẫn đến sai ngữ pháp.

Ngữ liệu 2. “*Sau khi kết thúc Đại hội điểm Ban Thường vụ tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm phát huy những việc làm tốt, chỉ ra những tồn tại cần khắc phục để rút kinh nghiệm cho các chi bộ, đảng bộ đại hội sau*” (Tạo sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ - báo Hànộimới, ngày 17/6/2015).

Người đọc có thể thắc mắc, không hiểu “**rút kinh nghiệm phát huy**” là gì, “**tồn tại**” là gì ? Hóa ra, người viết quên (?) đánh dấu phẩy sau từ “**kinh nghiệm**” nên đã tạo thành một cụm từ lạ, khó hiểu là “**rút kinh nghiệm phát huy**”; còn “**tồn tại**” là cái đang có, cái còn lại thì tác giả lại dùng theo nghĩa là hạn chế, nhược điểm.

Ngữ liệu 3. Trên Việt Nam Nét (dẫn theo Trí Thức Trẻ), ngày 9/6/2015, trong bài Lệ Roi phản pháo Đàm Vĩnh Hưng, có câu “*Mỗi người có một yếu điểm khác nhau và cái tài, cái duyên*”

	khác nhau". Ở đây, đáng lẽ dùng từ "điểm yếu" (hạn chế, nhược điểm, mặt yếu) thì tác giả lại dùng từ "yếu điểm" (điểm chính, điểm trọng yếu).
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: HS vận dụng để tạo lập văn bản không mắc lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ b. Nội dung thực hiện: ❖ HS hành bài tập 1 và 2 trong sách giáo khoa phát hiện lỗi dùng từ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên giao bài tập • HS làm bài tập cá nhân Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hành làm bài tập 1,2 cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Hướng dẫn trả lời bài tập 1 và 2 Bài tập 1: Hãy tìm lỗi dùng từ trong các câu sau và đưa ra cách sửa lỗi thích hợp: <i>a. Nhà thơ Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.</i> – Lỗi lặp từ, thừa một từ "nhà thơ". – Đề xuất phương án sửa: Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản. <i>b. Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng, khác nhau.</i> – Lỗi lặp từ đồng nghĩa. Đề tài, chủ đề, cảm hứng đều là các thuật ngữ được bao chứa trong "nội dung", trong khi đó "đa dạng" và "khác nhau" là hai từ đồng nghĩa. – Đề xuất phương án sửa: Đề tài, chủ đề, cảm hứng của các bài thơ hai-cư rất đa dạng. Nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng. <i>c. Bài thơ "Thu hứng" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.</i> – Lỗi lặp từ đồng nghĩa. Bài thơ và thi phẩm là hai từ đồng nghĩa với nhau, trong trường hợp này chỉ nên dùng một từ. – Đề xuất phương án sửa: "Thu hứng" là một trong những bài thơ/ thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ. <i>d. Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.</i>

– Lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Từ mượn ở đây là từ không phù hợp, vì mượn thường gắn liền với những gì vốn thuộc về người khác, trong khi đó “trí tưởng tượng” lại là thứ vốn thuộc về bản thân.

– Đề xuất phương án sửa: Nhà thơ đã dùng/ sử dụng trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.

e. Được sinh ra trong một gia đình trí thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.

– Lỗi dùng từ không đúng nghĩa: trí thức có nghĩa là “hiểu biết, kiến thức”, trong khi đó, để chỉ một thành phần xã hội, ta phải dùng từ trí thức, tức những người có trình độ học vấn cao, làm việc trong những lĩnh vực liên quan đến tư tưởng và khoa học.

– Đề xuất phương án sửa: Được sinh ra trong một gia đình trí thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.

g. Bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của nhân vật trữ tình –

người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.

– Lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Cũng như câu trên, câu văn mắc lỗi dùng thuật ngữ chưa chính xác. Hình ảnh người phụ nữ gánh thóc kết lại bài Mùa xuân chín chỉ là đối tượng khơi dậy cảm xúc của nhân vật trữ tình vốn được khách thể hoá thành hình tượng “khách xa” trong khổ thơ này.

– Đề xuất phương án sửa: Bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.

h. Hình ảnh hoa triêu nhan vương dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất ư bất ngờ.

– Lỗi dùng từ không đúng phong cách khi đem ngôn ngữ nói có tính chất suồng sã, chưa chuẩn mực vào trong văn viết.

– Đề xuất phương án sửa: Hình ảnh hoa triêu nhan vương dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất bất ngờ.

Bài tập 2: Trường hợp nào dưới đây được xem là mắc lỗi về trật tự từ? Hãy đưa ra cách sửa lỗi cho trường hợp ấy.

a. Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.

– Vị trí của từ ngay được đặt chưa hợp lí khiến người đọc có thể hiểu sai. Dựa vào những hiểu biết về văn học sử thì ý mà câu văn cần truyền đạt là thơ Hàn Mặc Tử có nhiều cái mới khiến nhiều độc giả không thể ngay lập tức cảm thụ được. Mặt khác, từ đông đảo cũng có thể đặt trước từ độc giả để nhấn mạnh hơn sự thách thức của cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử đối với công chúng.

– Đề xuất phương án sửa: Một bộ phận đông đảo độc giả đã không cảm nhận ngay được cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử.

b. Là thể thơ ngắn nhất thế giới, hai-cư được xem như một “đặc sản” của văn chương Nhật Bản.

Câu văn không mắc lỗi về trật tự từ.

c. Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch sự kiện hơn là mạch cảm xúc của bài thơ.

– Ở đây, lỗi trật tự từ, về bản chất, là lỗi kiến thức khi người viết không hiểu đúng bản chất của thơ trữ tình vốn nhấn mạnh cảm xúc hơn là sự kiện.

– Đề xuất phương án sửa: Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch cảm xúc hơn là mạch sự kiện của bài thơ.

d. Rất nhiều hình ảnh đời thường xuất hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản.

Câu văn không mắc lỗi về trật tự từ.

e. Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.

– Các từ ngữ chưa được đặt đúng vị trí theo quan hệ ngữ pháp, cặp quan hệ từ “mặc dù... nhưng” cũng có thể được sắp đặt lại để câu văn gọn và sáng ý hơn.

– Đề xuất phương án sửa: Mặc dù bố cục thơ Đường luật chặt chẽ nhưng vẫn có những khoảng trống khơi gợi liên tưởng.

	<i>g. Điều làm thích thú người đọc ở bài thơ này là cách đọc đảo gieo vần.</i> – Trật tự từ chưa hợp lí xét theo nguyên tắc ngữ pháp. – Đề xuất phương án sửa: Điều làm người đọc thích thú ở bài thơ này là cách gieo vần độc đáo. <i>h. Trong bài thơ “Tiếng thu”, đóng vai trò quan trọng là các từ láy tượng thanh.</i> – Về hình thức, câu này có thể xét là không có lỗi trật tự từ. Tuy nhiên, cũng có thể sắp xếp lại trật tự từ trong câu để câu văn trở nên chín chu, chuẩn mực hơn. – Đề xuất phương án sửa: Trong bài thơ “Tiếng thu”, các từ láy tượng thanh đóng vai trò quan trọng. <i>i. Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.</i> – Thơ lãng mạn là một trào lưu văn học bao trùm lên các nhà thơ, vì thế viết như câu trong bài là ngược về logic. – Đề xuất phương án sửa: Thơ lãng mạn cho phép nhà thơ giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ phát hiện và sửa các lỗi dùng từ trong đoạn văn viết kết nối đọc đã thực hiện b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học để sửa bài làm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS dựa vào bài viết đã thực hiện để thực hành

Tiết 19,20 . VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

- HS viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, đảm bảo các yêu cầu sau:
- + Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn.
- + Nêu khái quát về điểm đặc sắc, thú vị trong bài thơ – vấn đề sẽ được tập trung phân tích, đánh giá.
- + Làm sáng tỏ các khía cạnh cụ thể của điểm được xem là đặc sắc, thú vị trong bài thơ.
- + Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và khẳng định giá trị chung của bài thơ.

2.Phẩm chất: Tiếp tục nuôi dưỡng tình yêu đối với thơ ca.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập
- Bút màu, giấy A4, A0
- Máy chiếu

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Qua các nội dung luyện tập viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nội dung yêu thích khi đọc hiểu các bài thơ, anh/chị rút ra được những điều gì cho cá nhân khi viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ?
- + Nêu các bước tạo lập một bài văn nghị luận

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Viết bài văn phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là công việc để thực hành và kiểm tra việc chiếm lĩnh các tri thức về thơ ca. Đây là kiểu bài văn nghị luận đòi hỏi người viết biết nhận diện, cảm thụ, đánh giá phương diện hình thức thẩm mỹ cũng như cảm xúc, suy tưởng được biểu đạt trong một tác phẩm thơ cụ thể.

2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Đọc – phân tích bài viết tham khảo

a) Mục tiêu: HV nhận biết cách trình bày bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo. Chú ý các thẻ hướng dẫn đọc. Trả lời các câu hỏi sau đọc Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân và nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi. GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	1. Đọc – phân tích bài viết tham khảo Một số lưu ý về viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: + Để đánh giá một bài thơ về phương diện tình cảm, tư tưởng và thẩm mỹ, trước hết, phải đọc bài thơ, chú ý đến những yếu tố nổi bật về hình thức của bài thơ (ngôn từ, hình ảnh), cảm nhận âm hưởng của bài thơ bởi trong nghệ thuật, hình thức bao giờ cũng mang tính quan niệm. + Mặt khác, đặt bài thơ trong mối liên hệ với tác giả, với hoàn cảnh ra đời, với truyền thống văn hoá để có những so sánh, đối chiếu, kết nối, từ đó có thêm cơ sở để đánh giá bài thơ một cách thấu đáo chứ không chỉ là bình tán thiếu căn cứ. + Cách đọc bài thơ: có thể kết hợp việc đọc bài thơ theo trục ngang và trục dọc, tức là theo trình tự các khổ thơ và theo mạch liên kết các hình ảnh. Cách đọc này có thể giúp nhận ra tứ thơ – một trong những thách thức lớn nhất của việc thưởng thức thơ ca.

2.2. Thực hành viết bài

a) Mục tiêu: HV viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập – Chọn bài thơ Xem lại các tri thức ngữ văn liên quan đến thơ được giới thiệu trong bài và nhớ lại từng bước trong quá trình đọc hiểu văn bản mà HS đã trải qua trong các buổi học trước để tự thực hành việc đọc bài thơ. Viết bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ	2. Viết bài Tiến hành viết bài theo các bước: tìm ý tưởng, lập dàn ý và viết thành bài. Nội dung bài viết: chú ý phân tích cách tổ chức ngôn từ trong một bài thơ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân	3. Trả bài Lưu ý thêm một số điểm mà giờ hướng dẫn viết chưa thể nhấn mạnh như các vấn đề về kỹ năng lập ý và diễn đạt của HS. Đánh dấu những điểm cần trao đổi với HS, những điểm cần sửa chữa, những điểm đáng ghi nhận của các bài viết.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS báo cáo sản phẩm GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn	HS có những sửa chữa cần thiết theo yêu cầu.
Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Luyện tập viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS lựa chọn 1 bài thơ
- Viết bài nghị luận phân tích một bài thơ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài viết ở nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS nộp bài cho GV

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

TIẾT 21. THUYẾT TRÌNH, GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM THƠ

I.MỤC TIÊU

1.Năng lực

- Nêu được đặc trưng của kiểu bài thuyết trình.
- Nhận biết được cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe.

2.Phẩm chất: Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập
- Bút màu, giấy A4, A0
- Máy chiếu

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Yêu cầu chung của hoạt động nói và nghe?
- + Các bước tiến hành nói và nghe về một vấn đề/nội dung?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

– Hoạt động đọc – viết – nói và nghe có mối liên quan chặt chẽ với nhau.

Bài học này sẽ phản ánh kết quả đọc hiểu và viết về thơ trữ tình.

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH NÓI- NGHE: Thuyết trình, giới thiệu về tác phẩm thơ

2.1. Chuẩn bị nói và nghe

a) Mục tiêu:

– Rà soát lại bài nói hoặc chuẩn bị trình chiếu

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

– HV làm việc cá nhân hoặc nhóm

– Đọc lại bài viết và chuyển bài viết thành đề cương hoặc bản trình chiếu.

Lưu ý: Do bài nói có mối liên hệ chặt chẽ với bài viết nên HV cần tập trung vào những điều mình tâm đắc nhất về bài thơ được thể hiện trong bài viết để chuyển hoá nó vào trong bài nói. GV thiết kế phiếu đánh giá bài nói với những tiêu chí cần thiết để phát cho HV trong lớp.

2.2. Thực hành nói và nghe

a) Mục tiêu:

– Biết thuyết trình về một tác phẩm thơ

– Biết lắng nghe và trao đổi, chia sẻ về bài trình bày của bạn

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập – Chọn bài thơ Xem lại các tri thức ngữ văn liên quan đến thơ được giới thiệu trong bài và nhớ lại từng bước trong quá trình đọc hiểu văn bản mà HS đã trải qua trong các buổi học trước để tự thực hành việc đọc bài thơ. Viết bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ	– Với đề bài này, người thuyết trình cần trình bày: tác phẩm/ tác giả mình lựa chọn; lí do vì sao mình muốn giới thiệu tác phẩm thơ này đến mọi người; tác phẩm thơ ca này có điều gì đáng chú ý (về tư tưởng, về nghệ thuật); những phát hiện về giá trị của bài thơ này dựa trên những phương pháp, thao tác nào; thông điệp mình muốn gửi tới người nghe qua bài thuyết trình về tác phẩm thơ này là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS báo cáo sản phẩm GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	Nếu HS thuyết trình đi kèm với trình chiếu: lưu ý lựa chọn, chắt lọc thông tin để trình bày lên slide, thiết kế hình hoạ sao cho có sức hấp dẫn, không nên viết quá nhiều chữ trên slide. Lưu ý về thời gian cho phép đối với mỗi bài thuyết trình. *Trao đổi Dựa vào những tiêu chí đánh giá mà GV đã nêu trước đó trên lớp, HS vừa nghe để ghi chép những điểm đáng chú ý từ bài thuyết trình, vừa đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí mà GV nêu ra. Khuyến khích HS trao đổi, đối thoại với người thuyết trình. GV tổng kết lại giờ Nói và nghe, ghi nhận những ưu điểm và điểm cần phải khắc phục của HS.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

– Luyện tập thuyết trình về một tác phẩm thơ:

b) Tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS lựa chọn 1 bài thơ
- Viết bài thuyết trình về một bài thơ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; xây dựng 1 bài thuyết trình.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS nộp bài cho GV

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS

